

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/ 2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20 – 6 – 2022.

V/v tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH NINH THUẬN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Sửu

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Quang Chính

- Bà Lê Thị Hương

**Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Quen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2022/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 03 năm 2022, về việc tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXX-ST, ngày 02- 6-2022 giữa.

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Nhân T, sinh năm: 1986 (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm: 1987 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Ông T, bà N tự tìm hiểu được 2 bên gia đình chấp nhận, tổ chức lễ cưới về chung sống với nhau năm 2012, năm 2016 có đến UBND xã P đăng ký kết hôn; quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc cho đến tháng 2 năm 2021 xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà N có quan hệ với người đàn ông khác nên thường xảy ra cãi vã bà N tự ý bỏ đi và sống ly thân từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay.

Nay ông T xét thấy tình cảm giữa ông với bà N không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà N.

Về con chung: có 2 con chung tên Ngô Quỳnh Mỹ A, sinh ngày: 09-02-2012, Ngô Quỳnh Mỹ N, sinh ngày: 18-09-2017;.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T, bà N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn (bà N) trình bày: Bà với ông T tự tìm hiểu được 2 bên gia đình chấp nhận, tổ chức lễ cưới về chung sống với nhau năm 2011, năm 2016 có đến UBND xã P đăng ký kết hôn, quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc cho đến năm 2021 xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T nhậu về dùng những lời nói không tế nhị xúc phạm bà N, nên thường xảy ra cãi vã, không gian xếp được dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay.

Nay ông T xin ly hôn, bà N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T.

Về con chung: có 2 con chung tên Ngô Quỳnh Mỹ A, sinh ngày: 09-02-2012, Ngô Quỳnh Mỹ N, sinh ngày: 18-09-2017. Hiện con chung tên Ngô Quỳnh Mỹ N, sinh ngày: 18-09-2017 bà N đang chăm sóc, nuôi dưỡng; con chung tên Ngô Quỳnh Mỹ A, sinh ngày: 09-02-2012 ông T đang chăm sóc, nuôi dưỡng.

Quá trình hòa giải bà N trình bày: thời gian Tòa án giải quyết ly hôn giữa bà với ông T con chung của bà tên Ngô Quỳnh Mỹ A thường xuyên liên lạc với bà và cháu An có nguyện vọng mong muốn được sống với bà.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T, bà N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Ngô Quỳnh Mỹ A trình bày tại phiên hòa giải: Mong muốn được sống chung với bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử phiên tòa dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi triệu tập, thụ lý, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, hòa giải và các thủ tục khác cũng được thực hiện đầy đủ đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Đối với nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Luật hôn nhân và gia đình, Bộ luật tố tụng dân sự tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông T được ly hôn bà N.

Về con chung: Giao cho bà N nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án này là: "Ly hôn, nuôi con chung"

[2] Nội dung pháp luật áp dụng: Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về hôn nhân: Ông Ngô Nhân T, bà Nguyễn Thị Mỹ N, tự tìm hiểu chung sống với nhau có đến cơ quan cấp có thẩm quyền đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc cho đến năm 2021 xảy ra xích mích, không giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, không quan tâm đến nhau, không có trách nhiệm với nhau, tình cảm lạnh nhạt sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay; ông T xin ly hôn bà N, bà N cũng đồng ý theo yêu cầu của ông T.

Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông T và N cuộc sống chung không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T xin ly hôn bà N là có căn cứ phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

Xét về con chung: có 2 con chung tên Ngô Quỳnh Mỹ A, sinh ngày: 09-02-2012, Ngô Quỳnh Mỹ N, sinh ngày: 18-09-2017. Hiện con chung tên Ngô Quỳnh Mỹ N, sinh ngày: 18-09-2017 bà N đang chăm sóc, nuôi dưỡng; con chung tên Ngô Quỳnh Mỹ A, sinh ngày: 09-02-2012 ông T đang chăm sóc, nuôi dưỡng.

Qua phiên hòa giải lần 1 ngày 8-4-2022 thời điểm con chung Ngô Quỳnh Mỹ N, sinh ngày: 18-09-2017 bà N đang chăm sóc, nuôi dưỡng; con chung tên Ngô Quỳnh Mỹ A, sinh ngày: 09-02-2012 ông T đang chăm sóc, nuôi dưỡng, nhưng ông T và N không thỏa thuận được việc nuôi con, ông T, bà N mỗi người đều yêu cầu được nuôi 2 con chung.

Qua phiên hòa giải lần 2 ngày 02-6-2022 con chung Ngô Quỳnh Mỹ N, sinh ngày: 18-09-2017 bà N đang chăm sóc, nuôi dưỡng; con chung tên Ngô Quỳnh Mỹ A, sinh ngày: 09-02-2012 ông T đang chăm sóc, nuôi dưỡng, nhưng ông T và N không thỏa thuận được việc nuôi con; ông T, bà N mỗi người vẫn yêu cầu được nuôi 2 con chung.

Trước phiên hòa giải có mặt ông T, bà N khi Thẩm phán hỏi cháu An có nguyện vọng mong muốn được ở với ai, cháu An trả lời có nguyện vọng mong muốn được sống với bà N; thì ông T có yêu cầu được nuôi cháu Nhi.

Từ phân tích trên đủ cơ sở chứng minh việc chăm sóc nuôi con của ông T chưa chu đáo, chưa gần gũi con, chưa nắm bắt tâm lý nuôi dạy con.

Cụ thể cháu Ngô Quỳnh Mỹ A, sinh ngày: 09-02-2012 hiện sống chung với ông T, ông T là người trực tiếp chăm sóc cháu An từ lâu nay, nhưng cháu An thường xuyên liên lạc với mẹ (bà N), cháu An có nguyện vọng mong muốn được sống với mẹ là bà N và tại phiên hòa giải có mặt ông T, bà N cháu An trả lời mong muốn được sống với bà N nên Hội đồng xét xử nghĩ chấp nhận nguyện vọng của cháu An.

Xét cháu Nhi còn nhỏ từ trước đến nay sống chung với bà N tình cảm mẹ con khăng khít, hơn Na cháu Nhi là con gái cần có sự chăm sóc của mẹ.

Cho nên Hội đồng xét xử nghĩ giao 2 con chung cho bà N chăm sóc sẽ chu đáo hơn, phù hợp với nguyện vọng 2 cháu hơn.

Từ phân tích trên Hội đồng xét xử sơ thẩm xét:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Ngô Nhân T, ông Ngô Nhân T được ly hôn bà Nguyễn Thị Mỹ N.

Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Mỹ N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 2 con chung tên Ngô Quỳnh Mỹ N, sinh ngày: 18-09-2017; Ngô Quỳnh Mỹ A, sinh ngày: 09-02-2012

Hiện con chung tên Ngô Quỳnh Mỹ N, sinh ngày: 18-09-2017 bà N đang chăm sóc nuôi dưỡng.

Buộc ông Ngô Nhân T giao 01 con chung tên Ngô Quỳnh Mỹ A, sinh ngày: 09-02-2012 cho bà Nguyễn Thị Mỹ N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết, do các đương sự không yêu cầu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết, do bà N không yêu cầu.

Về án phí: Buộc ông Ngô Nhân T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng ông T đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0002407, ngày 17-3-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến, quan điểm về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 38; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 "hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí";

#### **Tuyên xử:**

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Ngô Nhân T, ông Ngô Nhân T được ly hôn bà Nguyễn Thị Mỹ N.

Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Mỹ N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 2 con chung tên Ngô Quỳnh Mỹ N, sinh ngày: 18-09-2017; Ngô Quỳnh Mỹ A, sinh ngày: 09-02-2012.

Hiện con chung tên Ngô Quỳnh Mỹ N, sinh ngày: 18-09-2017 bà N đang chăm sóc nuôi dưỡng.

Buộc ông Ngô Nhân T giao 01 con chung tên Ngô Quỳnh Mỹ A, sinh ngày: 09-02-2012 cho bà Nguyễn Thị Mỹ N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết, do các đương sự không yêu cầu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết, do bà N không yêu cầu.

Về án phí: Buộc ông Ngô Nhân T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà T đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0002407, ngày 17-3-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt, bị đơn có mặt. Báo cho những người có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20-6-2022).

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Hường;    Lê Quang Chính**

**Đoàn Sửu**

**- Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã P (để biết);
- Các đương sự

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đoàn Sửu**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Hường;    Lê Quang Chính**

**Đoàn Sứ**























